

KINH TẾ HỌC BIẾN ĐỔI KHÍ HẬU VÀ MỘT SỐ VẤN ĐỀ VỀ NGHIÊN CỨU VÀ TRIỂN KHAI (R&D) PHỤC VỤ PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG Ở VIỆT NAM

NGUYỄN DANH SƠN *

Tóm tắt: Bài viết đề cập tới một số vấn đề của Kinh tế học Biến đổi khí hậu đang được quan tâm và đưa ra những gợi ý nghiên cứu và triển khai (R&D) phục vụ cho phát triển bền vững ở Việt Nam hiện nay.

Từ khóa: Kinh tế học; Kinh tế học biến đổi khí hậu; phát triển bền vững; Việt Nam.

Ngày nhận bài: 28/5/2013; *Ngày duyệt đăng bài:* 30/9/2013

Biến đổi khí hậu (BĐKH) là một trong những thách thức lớn nhất đối với nhân loại, được cảnh báo là sẽ tác động nghiêm trọng đến kinh tế, cuộc sống và môi trường trên phạm vi toàn thế giới. Việt Nam được đánh giá là một trong những quốc gia bị ảnh hưởng nặng nề nhất của BĐKH với ước tính thiệt hại kinh tế có thể lên tới 10% GDP⁽¹⁾.

Nhận thức rõ những tác động nghiêm trọng của BĐKH đến sự phát triển bền vững của đất nước, Việt Nam đã sớm tham gia và phê chuẩn Công ước khung của Liên hợp quốc về BĐKH và Nghị định thư Kyoto, đồng thời từng bước tạo hành lang pháp lý và tổ chức thực hiện ứng phó với BĐKH. Tháng 12 năm 2008, Chương trình mục tiêu quốc gia ứng phó với BĐKH đã được ban hành (Quyết định của Thủ tướng Chính phủ số 158/2008/QĐ-TTg) và tổ chức thực hiện. Tháng 11/2011 - Thủ tướng Chính phủ đã ban hành và công bố Chiến lược quốc gia về BĐKH (tại Quyết định của số 2139/QĐ-TTg), trong đó xác định Việt Nam coi ứng phó với BĐKH là vấn đề có ý nghĩa sống còn và Chiến lược

này là nền tảng cho các chiến lược, quy hoạch, kế hoạch, chương trình phát triển kinh tế - xã hội ở tất cả các cấp độ.

Bài viết này góp bàn về nghiên cứu và triển khai (R&D) kinh tế gắn với một đối tượng nghiên cứu mới của nhiều môn khoa học, trong đó có khoa học kinh tế, là BĐKH. Nội dung bài viết đề cập tới một số vấn đề của Kinh tế học BĐKH đang được quan tâm và những gợi ý nghiên cứu và triển khai (R&D) phục vụ phát triển bền vững ở Việt Nam.

1. Khoa học kinh tế với biến đổi khí hậu

BĐKH với các tác động tiêu cực, to lớn tới phát triển bền vững buộc các quốc gia trên thế giới phải có những điều chỉnh mang tính hệ thống trong quản lý quá trình phát triển của quốc gia mình và phối hợp nỗ lực chung với các quốc gia khác.

Đối với các nền kinh tế còn phụ thuộc nhiều vào tự nhiên, khí hậu như Việt Nam

(*) PGS. TS, Giảng viên Khoa Phát triển bền vững, Học viện Khoa học xã hội.

(1) Con số ước tính trong Chiến lược quốc gia về BĐKH của Việt Nam ở kịch bản mực nước biển dâng cao 1m.

thì BĐKH càng làm cho nền kinh tế rất dễ bị tổn thương, thực tế một số năm qua với những biểu hiện tác động của BĐKH ngày càng rõ rệt hơn, như sự gia tăng về tần suất, cường độ, quy mô, phạm vi ảnh hưởng của các hiện tượng cực đoan của thời tiết (bão, lũ, khô hạn, triều cường,...), những mất mát, thiệt hại về kinh tế và sinh kế của nền kinh tế nói chung và của người dân nói riêng cũng theo đó mà tăng lên. Báo cáo Phát triển con người năm 2008 do Chương trình phát triển Liên hiệp quốc (UNDP) tại Việt Nam công bố đã cảnh báo rằng, biến đổi khí hậu gây đe dọa Việt Nam ở nhiều cấp. Lượng mưa dự kiến sẽ gia tăng và Việt Nam sẽ đối mặt với những trận bão nhiệt đới mạnh hơn. Mực nước biển dự kiến sẽ dâng cao 33 cm vào năm 2050 và 1 m vào năm 2100. Hậu quả của nước biển dâng như vậy sẽ khiến 22 triệu người Việt Nam mất nhà cửa với thiệt hại lên tới 10% GDP. Cũng theo Báo cáo này, trong vòng 30 năm tới, Việt Nam là một trong 30 quốc gia "có nguy cơ cực lớn" do các tác động của biến đổi khí hậu và cảnh báo rằng nếu Việt Nam không có những hành động kịp thời thì mực nước biển dâng cao 1m tính trung bình dọc theo bờ biển Việt Nam sẽ gây ngập lụt nghiêm trọng 17.423km², tương đương 5,3% tổng diện tích đất cả nước, trong đó có 39% diện tích Đồng bằng sông Cửu Long, 10% diện tích Đồng bằng sông Hồng, hơn 2,5% các tỉnh ven biển miền Trung và hơn 20% diện tích thành phố Hồ Chí Minh. Các hệ lụy từ tác động của BĐKH còn liên quan tới cả sinh kế của người dân. Báo cáo này cho biết đến năm 2015, Việt Nam có thể sẽ có khoảng 135.000 hộ dân phải tái định cư

vì lý do môi trường; đến năm 2050, khả năng tại Đồng bằng sông Cửu Long có thể có tới 1 triệu người phải di dời do những yếu tố lũ lụt và hạn hán lặp đi lặp lại nhiều lần. Những người dân ở trong các khu vực có hệ thống thoát nước kém chất lượng, cơ sở hạ tầng yếu kém trong phòng chống lũ lụt dễ bị tổn thương buộc phải di dời tạm thời hoặc vĩnh viễn, các thành phố và khu công nghiệp ở đây cũng bị ảnh hưởng không nhỏ.

Tuy vậy, điều chỉnh hệ thống kinh tế vốn dĩ đã là công việc không dễ dàng và thường là tốn kém, hơn nữa lại là để ứng phó với BĐKH - tác nhân gây ra - là khó tiên định và hậu quả là to lớn, nặng nề, thậm chí đối với một khu vực, một bộ phận dân cư còn làm mất đi những tài sản quan trọng, cơ bản nhất cho sinh kế và cuộc sống như đất đai, nhà cửa và các tư liệu sản xuất thiết yếu khác. Tăng trưởng xanh, kinh tế xanh, sản xuất xanh, tiêu dùng xanh và nhiều cái xanh hóa khác hiện đang định hướng cho việc điều chỉnh hoạt động của con người trong bối cảnh BĐKH.

Kinh tế học như là khoa học nghiên cứu về cách thức con người phân bổ, sử dụng các nguồn lực có hạn cho sản xuất và tiêu dùng, trong đó có tài nguyên thiên nhiên và môi trường, để tăng trưởng và phát triển. BĐKH, như đã nói ở trên, làm cho và làm tăng nguy cơ thu hẹp một nguồn lực quan trọng, một điều kiện cơ bản của sản xuất và tiêu dùng, của tăng trưởng và phát triển là tài nguyên thiên nhiên và môi trường. Cùng với sự xuất hiện và hiện hữu ngày càng rõ rệt của BĐKH với các tác động đa chiều, phức tạp của nó tới sản

xuất và cuộc sống của con người mà đang định hình và phát triển một hướng nghiên cứu mới gắn với đối tượng nghiên cứu là các vấn đề kinh tế của BĐKH, có tên gọi là Kinh tế học BĐKH (Economics of Climate Change) với 2 bộ phận là Kinh tế học về thích ứng (Economics of Climate Adaptation) và Kinh tế học về giảm nhẹ (Economics of Climate Mitigation).

Do sự định hình và xuất hiện muộn màng của hướng nghiên cứu về Kinh tế học BĐKH mà cho đến nay các công bố kết quả nghiên cứu về Kinh tế học về thích ứng và Kinh tế học về giảm nhẹ còn rất khiêm tốn, trong đó, với các thông tin mà chúng tôi tiếp cận và có được, nghiên cứu Kinh tế học về thích ứng dường như được quan tâm chú ý nhiều hơn so với Kinh tế học về giảm nhẹ. Nhìn chung, Kinh tế học về thích ứng thời gian qua dành sự quan tâm chú ý vào phân tích, đánh giá kinh tế

các thiệt hại (và cả lợi ích) do tác động của BĐKH gây ra; dự báo kinh tế có tính đến tác động của BĐKH theo các kịch bản BĐKH; và tính toán xác định các khoản đầu tư phát triển cho thích ứng với BĐKH. Phương pháp kinh tế được sử dụng trong các phân tích, đánh giá và lựa chọn quyết định thường là các phương pháp quen thuộc trong khoa học kinh tế như phân tích chi phí – lợi ích, dự báo kinh tế,... Hiện nay đang có những nghiên cứu mô hình hóa các quá trình kinh tế trong bối cảnh tác động của BĐKH và trên cơ sở đó dự báo các tác động của BĐKH tới quá trình tăng trưởng và phát triển kinh tế, xã hội và môi trường làm cơ sở cho những điều chỉnh, thay đổi các quyết định về phát triển và quản lý quá trình phát triển. Hộp 1 nêu một vài kết quả nghiên cứu quốc tế về kinh tế liên quan tới BĐKH để minh họa.

Hộp 1. Một số kết quả nghiên cứu quốc tế về kinh tế liên quan tới BĐKH

- Biến đổi khí hậu sẽ tác động nghiêm trọng đến sản xuất, đời sống và môi trường trên phạm vi toàn thế giới: đến 2080 sản lượng ngũ cốc có thể giảm 2 - 4%, giá sẽ tăng 13 - 45%, tỷ lệ dân số bị ảnh hưởng của nạn đói chiếm 36-50%. Việc tăng nhiệt độ của trái đất có thể sẽ kéo nền kinh tế toàn cầu xuống khoảng 20% nếu không có biện pháp ngăn chặn, giảm thiểu và nếu chúng ta hành động thì tổn thất GDP của nền kinh tế toàn cầu chỉ còn là khoảng 1% (*cảnh báo của nhà nghiên cứu kinh tế người Anh, Nicholas Stern, dẫn lại từ nguồn: Tài liệu Hội thảo “Việt Nam ứng phó với biến đổi khí hậu” do Bộ Tài nguyên và Môi trường tổ chức ngày 31/7 – 1/8/2009 tại Quảng Nam*).

- Ở Việt Nam, nước biển dâng sẽ khiến 22 triệu người Việt Nam mất nhà cửa với thiệt hại lên tới 10% GDP (*theo: Báo cáo Phát triển con người năm 2008 do Chương trình phát triển Liên hiệp quốc (UNDP) tại Việt Nam và Bộ Tài nguyên – Môi trường công bố*).

- Việt Nam hiện đứng đầu trong danh sách các nước có mức thiệt hại ngành thủy sản do BĐKH ở mức nguy cấp, tức là mức báo động đỏ, khoảng 1,5 tỷ USD năm 2010 và mức thiệt hại này sẽ tăng tới 25 tỷ USD vào năm 2030 (*theo Báo cáo kết quả*

Nghiên cứu giám sát tính dễ bị tổn thương do Biến đổi khí hậu năm 2012 (trường hợp của Việt Nam) được Nhóm làm việc về Biến đổi khí hậu (CCWG) của tổ chức DARA International báo cáo tại Hà Nội, ngày 10/01/2013).

Trường Đại học Kinh tế London (Anh) lập nhóm nghiên cứu về Kinh tế học thích ứng với BĐKH (The Economics of Climate Adaptation Working Group) và năm 2009 đã công bố Báo cáo của nhóm với tiêu đề “Shaping Climate-Resilient Development – A framework for decision-making” (tạm dịch là Phát triển định hướng chống chịu với BĐKH – Khung khổ cho quyết định), trong đó đề xuất cách tiếp cận hệ thống cho phát triển thích ứng với BĐKH với 2 bộ công cụ định lượng kinh tế. Cụ thể là⁽²⁾:

1. Bộ công cụ định lượng “rủi ro khí hậu tổng thể” (total climate risk) của khu vực bị tác động, gồm đánh giá thiệt hại dự kiến hàng năm do các hiện tượng khí hậu gây ra cho nền kinh tế địa phương; dự báo cho khu vực mà tăng trưởng kinh tế có thể chịu những rủi ro lớn; và đánh giá thiệt hại gia tăng có thể xảy ra trong vòng 20 năm theo các kịch bản BĐKH công bố.

2. Bộ công cụ sử dụng phương pháp phân tích chi phí – lợi ích để đánh giá sự lựa chọn các giải pháp khả thi, phù hợp để thích ứng với các rủi ro.

Ở một nghĩa nhất định, có thể coi Kinh tế học BĐKH là một bộ phận của Kinh tế học bền vững (Sustainable Economics) – một môn khoa học kinh tế mới được phát triển từ Khoa học về Kinh tế (Science of Economics), Khoa học về Môi trường (Science of Environment) và Khoa học về Bền vững (Sciences of Sustainability). Từ thập kỷ 70 của thế kỷ 20, Kinh tế môi

trường (Environmental Economics) đã ra đời trên cơ sở nền tảng của Kinh tế học và Khoa học về Môi trường, đáp ứng nhu cầu cung cấp lời giải khoa học cho các vấn đề phát triển kinh tế trong bối cảnh môi trường tự nhiên bị suy giảm. Bởi vì, Kinh tế học truyền thống lấy cạnh tranh và lợi nhuận làm động lực chủ yếu trong nền kinh tế thị trường và giới hạn môi trường chỉ ở vai trò, sứ mạng như là đầu vào của hệ thống sản xuất nên đã không thể cung cấp lời giải đúng cho việc ra quyết định. Tương tự, trong bối cảnh phát triển hiện đại ngày nay, Kinh tế học bền vững ra đời cũng trên cơ sở tất yếu là cả Kinh tế học truyền thống và cả Kinh tế môi trường đều không thể cung cấp lời giải đầy đủ và đúng đắn cho việc ra các quyết định về tăng trưởng và phát triển kinh tế cho tầm nhìn ngắn hạn, trung hạn và nhất là cho tầm nhìn dài hạn.

Lời Mở đầu của cuốn sách giáo khoa Kinh tế học bền vững⁽³⁾ của GS. Holger Rogall, Trường đại học Kinh tế và Luật Berlin (CHLB Đức) đã giải thích rằng, Kinh tế học truyền thống không đưa ra được lời giải cho các vấn đề phát triển

⁽²⁾ Tham khảo cụ thể hơn tại: Grantham Research Institute on Climate Change and the Environment, London School of Economics, A report of The Economics of Climate Adaptation Working Group, “Shaping Climate - Resilient Development - A framework for decision-making”, 2009.

⁽³⁾ Nguyên bản tiếng Đức là “Nachhaltigen Oekonomie”. Cụ thể có thể tham khảo bản dịch tiếng Việt (của PGS. TSKH Nguyễn Trung Dũng) “Kinh tế học bền vững”, nxb. Khoa học tự nhiên và công nghệ, H. 2011.

kinh tế của thế kỷ 21 và đã chín muồi cho sự ra đời của cơ sở khoa học kinh tế mới là Kinh tế học bền vững. Trọng tâm của Kinh tế học bền vững là làm sao có thể đạt được chuẩn mực (tối ưu và hài hòa) về kinh tế, sinh thái và văn hóa – xã hội trong giới hạn khả năng chịu đựng của thiên nhiên, cũng như đảm bảo thực thi nguyên tắc công bằng trong mỗi thế hệ và giữa các thế hệ. Hình 1 được trích dẫn lại từ cuốn sách giáo khoa nói trên, khái quát hóa nguyên lý phát triển bền vững về kinh tế (Oekonomie) hài hòa với phát triển xã hội (Soziales) và bảo vệ, giữ gìn môi trường sinh thái (Oekologie) trong giới hạn khả năng chịu đựng của thiên nhiên (Grenzen der natuerlichen tragfahigkeit). BĐKH với các tác động tiêu cực đã, đang và sẽ tiếp tục làm thay đổi giới hạn này (giảm khả năng chịu đựng của thiên nhiên) và do vậy, cũng ràng buộc các quyết định về tăng trưởng và phát triển kinh tế.

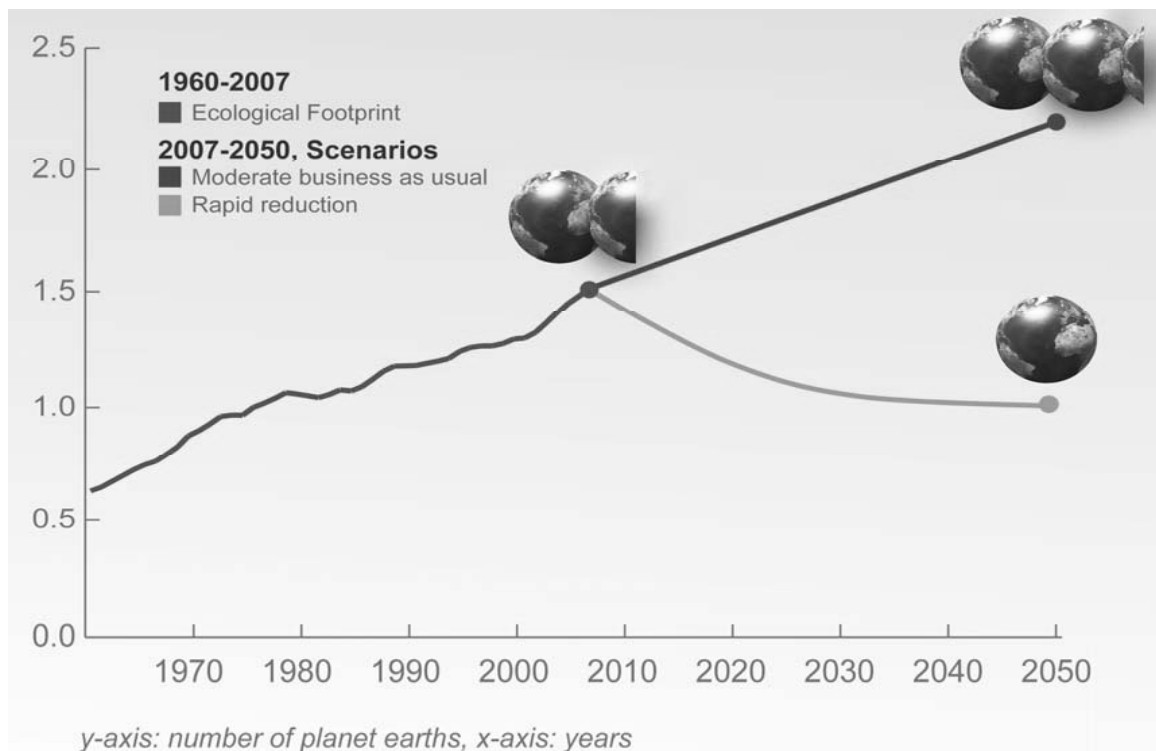


Hình 1. Phát triển bền vững theo quan điểm của Kinh tế học bền vững
(trích dẫn lại từ cuốn sách: GS. Holger Rogall, *Kinh tế học bền vững*, nxb. Khoa học tự nhiên và công nghệ, H. 2011).

Nhiều nghiên cứu quốc tế, trong đó có Việt Nam (Đại học Quốc gia, Tổng cục Môi trường, Viện Chiến lược Chính sách Tài nguyên và Môi trường,...) hiện đang quan tâm tới giới hạn khả năng của thiên nhiên mà con người cần phải tính đến trong khai thác và sử dụng tự nhiên cho nhu cầu tiêu dùng của mình, trong đó có nghiên cứu về dấu chân sinh thái (ecological footprint). Theo cách hiểu chung, dấu chân sinh thái là “một thước đo nhu cầu về các diện tích đất, nước có khả năng cho năng suất sinh học cần thiết để cung cấp thực phẩm, gỗ cho con người, bề mặt xây dựng cơ sở hạ tầng, diện tích hấp thụ CO₂, khả năng chứa đựng và đồng hóa chất thải”⁽⁴⁾ và được đo lường bằng chỉ số hecta toàn cầu (global hecta, viết tắt là GHA). Kết quả tính toán của Mạng lưới Dấu chân sinh thái toàn cầu (Global Footprint Network) - một tổ chức phi chính phủ quốc tế - cho thấy bức tranh khả năng của thiên nhiên mà con người cần phải tính đến trong khai thác và sử dụng tự nhiên cho nhu cầu tiêu dùng của mình thông qua chỉ báo dấu chân sinh thái như Hình 2.

Hình 2 cũng cho thấy, hiện nay con người đang sử dụng tương đương khoảng 1,5 hành tinh (sử dụng quá 1,5 lần so với hiện có). Theo kịch bản trung bình, với số dân và xu hướng tiêu dùng được dự báo thì đến năm 2050 con người sẽ cần tới tài nguyên thiên nhiên của hơn 2 trái đất như của chúng ta hiện nay mới có thể đáp ứng được nhu cầu sống của con người (nếu không thay đổi lối sống, tiêu dùng và sản xuất hiện nay).

⁽⁴⁾ Nguồn: <http://www.thiennhien.net/2008/02/08/dau-chan-sinh-thai/>
Nguồn: <http://www.footprintnetwork.org>



Hình 2. Dấu ấn sinh thái và sức chịu tải sinh học của Trái đất (1961-2050)

Trong kinh tế học bền vững, các vấn đề kinh tế được xem xét không chỉ thuần túy trên quan điểm tối đa hóa lợi nhuận, tiết kiệm chi phí mà còn cần phải tính đến các yêu cầu phát triển bền vững lâu dài qua các thế hệ, cụ thể là không chỉ là lợi nhuận bền vững mà cả các yếu tố làm ra lợi nhuận cũng phải bền vững. Trong số các yếu tố làm ra lợi nhuận ấy có yếu tố tài nguyên, môi trường và khí hậu. Kinh tế học bền vững, theo khái quát ở Hình 1, đặt sự phát triển về kinh tế, xã hội và sinh thái trong giới hạn khả năng chịu đựng của thiên nhiên và đây chính là sự khác biệt cơ bản của kinh tế học bền vững so với kinh tế học truyền thống. BĐKH đã, đang và sẽ còn tiếp tục về lâu dài làm cho giới hạn ấy (giới hạn khả năng chịu đựng của

thiên nhiên) bị thu hẹp lại và tốc độ thu hẹp này đang phụ thuộc vào chính con người trong các quyết định phát triển của mình. Con người đã nhận thức được điều này và đang cố gắng điều chỉnh các quyết định và hành động phát triển của mình theo 2 hướng: giảm nhẹ (mitigation) và thích nghi (adaptation) đối với BĐKH.

Về mặt khoa học, Kinh tế học BĐKH như là bộ phận của Kinh tế học bền vững đang được sử dụng và phát triển các khái niệm của phát triển bền vững và Kinh tế học bền vững. Trong một số năm gần đây, đã xuất hiện những thuật ngữ mới có nội hàm gắn với BĐKH không chỉ trong các tài liệu nghiên cứu khoa học mà còn cả trong các quyết định quản lý phát triển ở nhiều nước, trong đó có Việt Nam. Đó là:

tăng trưởng xanh (green growth), kinh tế xanh (green economy), xã hội các bon thấp (low carbon society),... Do mới xuất hiện nên các khái niệm này cho đến nay vẫn còn chưa có được nội hàm khoa học chuẩn xác, thống nhất và có nội dung rộng hẹp khác nhau trong sử dụng ở các quốc gia. Tuy vậy, các khái niệm này có điểm chung là sự ra đời gắn với bối cảnh

BĐKH và phục vụ cho mục tiêu thích ứng và giảm nhẹ các tác động của BĐKH trong phát triển bền vững, trong đó sử dụng thông minh nguồn năng lượng hóa thạch, tăng cường sử dụng các nguồn năng lượng tái tạo, giảm phát thải khí nhà kính là trọng tâm cốt lõi. Hộp 2 nêu một số định nghĩa của quốc tế và Việt Nam về các khái niệm này.

Hộp 2. Một số định nghĩa của quốc tế và Việt Nam về tăng trưởng xanh, kinh tế xanh, xã hội các bon thấp

- *Tăng trưởng xanh* là quá trình tái cơ cấu lại hoạt động kinh tế và cơ sở hạ tầng để thu được kết quả tốt hơn từ các khoản đầu tư cho tài nguyên, nhân lực và tài chính, đồng thời giảm phát thải khí nhà kính, khai thác và sử dụng ít tài nguyên thiên nhiên hơn, tạo ra ít chất thải hơn và giảm sự mất công bằng trong xã hội. (*định nghĩa của tổ chức Sáng kiến tăng trưởng xanh của Liên Hợp Quốc*).

- *Chiến lược tăng trưởng xanh ở Việt Nam*: là chiến lược thúc đẩy quá trình tái cấu trúc và hoàn thiện thể chế kinh tế theo hướng sử dụng hiệu quả hơn tài nguyên thiên nhiên, nâng cao sức cạnh tranh của nền kinh tế, thông qua tăng cường đầu tư vào đổi mới công nghệ, vốn tự nhiên, công cụ kinh tế. Từ đó góp phần ứng phó với biến đổi khí hậu, giảm nghèo và đảm bảo phát triển kinh tế bền vững. (*theo Chiến lược quốc gia về Tăng trưởng xanh của Việt Nam, Quyết định số 1393/QĐ-TTg ngày 25/9/2012*).

- *Nền kinh tế xanh* là nền kinh tế tạo ra, phân phối sản phẩm và dịch vụ thân thiện môi trường, năng lượng tái tạo, giao thông và nhiên liệu sạch và công trình xanh, giảm mức tiêu thụ năng lượng, nguyên liệu, nước thông qua chiến lược hiệu quả năng lượng và tài nguyên và chuyển đổi từ các cấu phần các bon sang không các bon (*theo Tổ chức hợp tác kinh tế và phát triển – OECD*).

- *Nền kinh tế xanh* là nền kinh tế nâng cao đời sống của con người và cải thiện công bằng xã hội, đồng thời giảm đáng kể những rủi ro môi trường và những thiếu hụt sinh thái. Nói một cách đơn giản, nền kinh tế xanh có mức phát thải thấp, sử dụng hiệu quả tài nguyên và hướng tới công bằng xã hội. (*theo Chương trình Môi trường Liên hợp quốc - UNEP*).

- *Xã hội các bon thấp* là xã hội có mức hiệu quả sử dụng năng lượng cao và sử dụng các nguồn năng lượng và công nghệ sản xuất các bon thấp (*định nghĩa của Mạng lưới nghiên cứu quốc tế về xã hội các bon thấp – LCSRNet*).

Kinh tế xanh đã là một trong 2 nội dung chính được bàn thảo tại Hội nghị Thượng đỉnh của Liên Hợp Quốc về PTBV (gọi tắt là Rio+20) diễn ra từ 20 – 22 tháng 6 năm 2012 tại Rio de Janeiro, Brazil. Các thiết chế quốc tế đang được hình thành nhằm hỗ trợ thúc đẩy và tăng cường các hoạt động phát triển hướng tới thực hiện tăng trưởng xanh, kinh tế xanh, kinh tế/xã hội các bon thấp. Một Quỹ tài chính quốc tế do Liên Hợp Quốc đề xuất (với tên gọi là Quỹ Khí hậu xanh - GCF, trụ sở đặt tại Hàn Quốc) có quy mô khoảng 100 tỷ USD đang được vận động hình thành với sứ mạng và mục tiêu hoạt động nhằm hỗ trợ tăng trưởng và phát triển trong bối cảnh BĐKH chủ yếu là ở các nước đang phát triển.

Về thực tiễn, trong các quyết định phát triển, chiến lược, quy hoạch, kế hoạch phát triển theo hướng bền vững ở nhiều quốc gia, trong đó có Việt Nam, đã có mặt các chỉ tiêu phát triển về kinh tế mới gắn với ứng phó với BĐKH trên cả 2 phương diện thích ứng và giảm nhẹ. Đó là các chỉ tiêu tổng sản phẩm quốc dân/tổng sản phẩm quốc nội xanh (Green GDP/GNP), tiêu dùng xanh (Green consumption), năng suất xanh (Green productivity),... Đã có những dự báo rằng trong một tương lai gần, các khái niệm mới này sẽ dần thay thế cho các khái niệm truyền thống (GDP, GNP, năng suất, hiệu quả kinh tế,...). Hộp 3 nêu một số chỉ tiêu kinh tế xanh gắn với BĐKH đã được xác định trong các chiến lược phát triển ở Việt Nam giai đoạn 2011 – 2020.

**Hộp 3. Một số chỉ tiêu kinh tế xanh gắn với BĐKH
trong các chiến lược phát triển ở Việt Nam giai đoạn 2011 – 2020**

- Giảm tiêu hao năng lượng tính trên GDP 2,5 - 3%/năm (*Chiến lược phát triển kinh tế xã hội giai đoạn 2011 – 2020*)
- GDP xanh (*Chiến lược PTBV Việt Nam giai đoạn 2011 – 2020*)
- Tỷ lệ năng lượng tái tạo trong cơ cấu sử dụng năng lượng: 4 – 5% (*Chiến lược PTBV Việt Nam giai đoạn 2011 – 2020*)
- Mức giảm tiêu hao năng lượng để sản xuất ra một đơn vị GDP: 2,5 – 3,0%/năm (*Chiến lược PTBV Việt Nam giai đoạn 2011 – 2020*)
- Giảm cường độ phát thải khí nhà kính so với mức năm 2010: 8 – 10% (*Chiến lược quốc gia về Tăng trưởng xanh*)
- Giảm lượng phát thải khí nhà kính trong các hoạt động năng lượng: 10 – 20% so với phương án phát triển bình thường. Trong đó mức tự nguyện khoảng 10%, còn lại (10%) là mức phấn đấu khi có thêm hỗ trợ quốc tế (*Chiến lược quốc gia về Tăng trưởng xanh*)
- Từ năm 2015, tất cả (100%) các công trình, dự án đầu tư công phải áp dụng các tiêu chuẩn kinh tế xanh (*Chiến lược quốc gia về Tăng trưởng xanh*)

- Tăng tỷ lệ các nguồn năng lượng mới và tái tạo lên khoảng 5% (*Chiến lược quốc gia về BĐKH*)

- Sử dụng nhiên liệu ít phát thải khí nhà kính cho phương tiện giao thông vận tải; đẩy mạnh chuyển xe buýt, xe taxi sang sử dụng nhiên liệu khí tự nhiên nén, khí hóa lỏng, bảo đảm đạt tỷ lệ về số xe là 20% vào năm 2020 và 80% vào năm 2050 (*Chiến lược quốc gia về BĐKH*)

- Thúc đẩy phát triển sản xuất nông nghiệp xanh,... cứ sau 10 năm giảm phát thải 20% khí nhà kính (*Chiến lược quốc gia về BĐKH*)

Như vậy, phát triển bền vững, xanh hóa các quyết định phát triển trong bối cảnh BĐKH dường như là con đường tất yếu mà các quốc gia phải đi. Nền kinh tế cũng cần được xanh hóa theo hướng bền vững để có thể chủ động ứng phó với BĐKH. Trong lý luận kinh tế học người ta thường nói đến sự thất bại của thị trường và của chính sách, cơ chế như là tất yếu (vốn có) trong tiến trình phát triển kinh tế với sự tồn tại của 2 mô hình kinh tế lý thuyết là kinh tế thị trường tự do và kinh tế kế hoạch hóa tập trung. Trong thực tiễn hiện nay, nền kinh tế của hầu hết các quốc gia trên thế giới được vận hành bởi cả 2 bàn tay: bàn tay vô hình của thị trường và bàn tay hữu hình của nhà nước. Các thất bại (của thị trường và chính sách, cơ chế) đã từng và vẫn đang là mối đe dọa to lớn hiện hữu và tiềm ẩn đối với môi trường và hệ sinh thái cũng như đối với phát triển bền vững. Trong bối cảnh BĐKH hiện nay, hệ lụy từ mối đe dọa này lại càng nghiêm trọng bởi việc khắc phục nó đòi hỏi chi phí cao và nỗ lực phối hợp trên quy mô rộng, vượt khỏi tầm của mỗi quốc gia. Xét trên góc độ này (tác động to lớn, chi phí cao và nỗ lực phối hợp), thì nếu như vài thập kỷ

trước kinh tế học truyền thống được phát triển thành kinh tế học hiện đại với nhân tố mới là hội nhập kinh tế quốc tế thì hiện nay kinh tế học hiện đại đang được phát triển tiếp tục với nhân tố mới là BĐKH. Kinh tế học BĐKH đang được hình thành và phát triển sẽ cung cấp những tri thức kinh tế mới, phương pháp tiếp cận, công cụ quản lý kinh tế mới để ứng phó với BĐKH trên cả 2 phương diện thích ứng và giảm nhẹ, làm căn cứ khoa học cho các quyết định phát triển kinh tế theo hướng bền vững.

2. Nghiên cứu và triển khai (R&D) Kinh tế học BĐKH phục vụ hoạch định chính sách phát triển bền vững ở Việt Nam

Việt Nam được đánh giá là một trong những quốc gia bị ảnh hưởng nặng nề nhất của BĐKH. Việt Nam đã sớm tham gia và phê chuẩn Công ước khung của Liên hợp quốc về BĐKH và Nghị định thư Kyoto, đang tổ chức triển khai thực hiện ứng phó với BĐKH trên cơ sở các định hướng, các giải pháp với tầm nhìn trung và dài hạn thể hiện trong các chiến lược, quy hoạch, kế hoạch, chương trình phát triển gắn với yêu cầu ứng phó tích cực và

chủ động với BĐKH. Trong các định hướng nhiệm vụ của Chiến lược phát triển khoa học và công nghệ Việt Nam giai đoạn 2011 – 2020 đã xác định “Nghiên cứu nhận dạng bản chất, nguyên nhân, tác động của thiên tai, BĐKH để làm cơ sở khoa học cho việc đề xuất và thực hiện các giải pháp hạn chế, phòng ngừa, thích ứng với biến đổi khí hậu, nhất là ảnh hưởng của hiện tượng nước biển dâng”. Nhiều công trình nghiên cứu khoa học và công nghệ các cấp (Nhà nước, bộ ngành, địa phương) về BĐKH đã và đang được triển khai trong một số năm qua. Hiện nay, Bộ Khoa học và Công nghệ và nhiều bộ, ngành, địa phương đã hình thành và thực hiện một số chương trình nghiên cứu và triển khai (R&D) về ứng phó với BĐKH trên cả 2 lĩnh vực thích ứng và giảm nhẹ. Chương trình mục tiêu quốc gia ứng phó với BĐKH (ban hành theo Quyết định số 158/2008/QĐ-TTg ngày 02 tháng 12 năm 2008 của Thủ tướng Chính phủ) đã xác định các mục tiêu, nhiệm vụ, trong đó có

mục tiêu “Tăng cường các hoạt động khoa học công nghệ nhằm xác lập cơ sở khoa học cho các giải pháp ứng phó với biến đổi khí hậu” và nhiệm vụ “Xây dựng và triển khai chương trình khoa học công nghệ về biến đổi khí hậu”. Tại Phụ lục kèm theo Quyết định này đã cụ thể hóa Chương trình khoa học công nghệ về BĐKH thành các nội dung đặt hàng nghiên cứu của Nhà nước cho giai đoạn 2009 - 2015. Bộ Khoa học và Công nghệ và Bộ Tài nguyên và Môi trường được xác định là 2 cơ quan chủ trì tổ chức thực hiện với trách nhiệm phối hợp của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Bộ Kế hoạch và Đầu tư, các bộ, ngành, địa phương khác. Tổng kinh phí thực hiện Chương trình khoa học công nghệ về BĐKH này được xác định là 350 tỷ đồng. Hộp 4 nêu cụ thể các nội dung chính trong Chương trình khoa học công nghệ về BĐKH giai đoạn 2009 – 2015 đã được cụ thể hóa trong Phụ lục kèm theo Quyết định số 158/2008/QĐ-TTg nêu trên.

**Hộp 4. Các nội dung đặt hàng của Nhà nước
trong Chương trình khoa học công nghệ về BĐKH giai đoạn 2009 – 2015**

Xây dựng và triển khai chương trình khoa học công nghệ quốc gia (trung hạn và dài hạn) nhằm cung cấp cơ sở khoa học cho việc xây dựng các thể chế, chính sách và kế hoạch hành động ứng phó với biến đổi khí hậu. Với các nội dung chính:

- Đẩy mạnh các nghiên cứu về những hiện tượng, bản chất khoa học, những điều chưa biết rõ về biến đổi khí hậu; tác động của biến đổi khí hậu đến kinh tế - xã hội; phân tích đánh giá hiệu quả kinh tế - xã hội (chi phí - lợi ích) của các hoạt động ứng phó với biến đổi khí hậu;
- Xem xét để đưa các vấn đề biến đổi khí hậu vào các chương trình bảo vệ môi trường, sử dụng hợp lý tài nguyên và phòng tránh thiên tai, chương trình nghiên cứu biển...;

- Đẩy mạnh nghiên cứu cơ sở khoa học nhằm tăng cường hệ thống giám sát về khí hậu và biến đổi khí hậu;
- Xây dựng cơ sở dữ liệu phục vụ đánh giá tác động của biến đổi khí hậu;
- Nghiên cứu các công nghệ giảm nhẹ phát thải khí nhà kính và các công nghệ thích ứng với biến đổi khí hậu;
- Đẩy mạnh việc xây dựng cơ chế phối hợp giữa các cơ sở nghiên cứu, đào tạo nhân lực và triển khai công nghệ trong các lĩnh vực có liên quan;
- Tăng cường hợp tác quốc tế trong các hoạt động khoa học công nghệ, áp dụng và chuyển giao có hiệu quả các công nghệ thân thiện với khí hậu.

Nguồn: Phụ lục kèm theo Quyết định số 158/2008/QĐ-TTg ngày 02/12/2008 của Thủ tướng Chính phủ Phê duyệt Chương trình mục tiêu quốc gia ứng phó với BĐKH.

Trong một số năm qua đã có một số kết quả nghiên cứu được nghiệm thu, trong đó một số kết quả (các đề xuất, kiến nghị) đã được đưa vào ứng dụng trong thực tiễn.

Tuy vậy, nhìn từ góc độ nghiên cứu khoa học kinh tế nói chung và Kinh tế học BĐKH nói riêng, với những thông tin mà chúng tôi tiếp cận được và trực tiếp tham gia (đề xuất, thẩm định, tư vấn, nghiên cứu), các nghiên cứu về các vấn đề kinh tế trong BĐKH còn rất khiêm tốn. Khái quát chung về thực tế này là:

1. Rất ít, hầu như vắng bóng nghiên cứu cơ bản về kinh tế học BĐKH. Các chủ đề, đề tài nghiên cứu trong các chương trình nghiên cứu khoa học và công nghệ cấp Nhà nước (do Bộ KH&CN thay mặt Nhà nước đặt hàng nghiên cứu) hay cấp bộ, ngành, địa phương (tỉnh, thành phố) về BĐKH tuy có những đề tài, dự án nghiên cứu về kinh tế nhưng chủ yếu phục vụ cho nghiên cứu triển khai (Development) và thử nghiệm (Pilot).

2. Cho đến nay chưa có một chương trình nghiên cứu quốc gia tập trung vào

các vấn đề kinh tế của BĐKH để phối hợp và phát huy các nguồn lực (nhân lực, tài chính, thông tin,...).

Cụ thể hơn, ngay chính nhu cầu nghiên cứu của quốc gia đã được xác định trong Chương trình khoa học công nghệ về BĐKH giai đoạn 2009 – 2015 là “Phân tích đánh giá hiệu quả kinh tế - xã hội (chi phí - lợi ích) của các hoạt động ứng phó với biến đổi khí hậu” (nêu ở Hộp 3) hiện vẫn còn chưa có được các kết quả nghiên cứu cụ thể của các nhà kinh tế Việt Nam. Hầu như các số liệu về hiệu quả kinh tế, phân tích chi phí - lợi ích của các hoạt động ứng phó với BĐKH ở Việt Nam thường được viện dẫn lại từ các công bố của nước ngoài, thí dụ như đánh giá thiệt hại, tổn thất kinh tế so với GDP, dự báo kinh tế về các tác động của BĐKH, hiệu quả đầu tư ứng phó với BĐKH, đầu tư cho giảm nhẹ phát thải khí nhà kính (tăng trưởng xanh), mua bán chứng chỉ giảm phát thải khí nhà kính (CERs),...

Trở lại với nghiên cứu và triển khai (R&D) Kinh tế học BĐKH ở Việt Nam,

cũng tương tự như thực tế nghiên cứu và triển khai Kinh tế học Tài nguyên và Môi trường mà chúng tôi đã có cơ hội đề cập, trình bày ở một số diễn đàn (hội nghị, hội thảo, tư vấn khoa học,...) cũng như bài viết đã công bố⁽⁵⁾, có 2 vấn đề lớn, theo tôi, cần được quan tâm, là tư duy kinh tế, tiếp cận kinh tế và lượng giá kinh tế.

Về tư duy kinh tế, tiếp cận kinh tế, có một thực tế ở Việt Nam đã được chính thức thừa nhận và cho đến nay vẫn chưa được khắc phục, là “thường chỉ chú trọng đến tăng trưởng kinh tế mà ít quan tâm việc bảo vệ môi trường”⁽⁶⁾. Một biểu hiện cụ thể là hiệu quả kinh tế, phân tích chi phí - lợi ích của các hoạt động kinh tế còn chưa tính đến (hoặc tính chưa đầy đủ) các chi phí môi trường. Nguyên do căn bản ở đây, là ở Việt Nam vẫn còn đang thịnh hành suy nghĩ rằng, chi phí bảo vệ tài nguyên và môi trường chủ yếu là loại chi phí “tiêu tốn” mà chưa phải là loại chi phí “sinh lợi”, nghĩa là chúng “giúp” cho quá trình tăng trưởng, phát triển kinh tế - xã hội mà chưa phải là đem lại giá trị gia tăng cho quá trình này. Hệ quả là, người ta thường hạn chế hay tiết giảm chi phí bảo vệ tài nguyên và môi trường hơn là tăng chúng. Hạn chế hay tiết giảm nói ở đây là về tương đối, nghĩa là so với các chi phí khác (kinh tế, xã hội) thì mức tăng chi phí cho bảo vệ tài nguyên và môi trường thường ít hơn, chậm hơn. Đối với ứng phó với BĐKH tình hình cũng tương tự như vậy vì BĐKH có liên quan trước hết và nhiều nhất tới các chức năng chủ yếu của môi trường, như cung cấp điều kiện sống cho con

người; nguyên vật liệu, năng lượng cho các hoạt động kinh tế; tiếp nhận, đồng hóa các loại chất thải do con người và hoạt động kinh tế thải ra. Việc nghiên cứu Kinh tế môi trường và Kinh tế học BĐKH ở nước ta, theo chúng tôi, vẫn còn chưa cung cấp được những căn cứ khoa học và giải pháp đủ sức làm thay đổi tư duy, cách nghĩ và hành động của các quyết định phát triển. Việc cần làm trước tiên để thay đổi thực tế này, thiết nghĩ, là có được các chứng cứ, minh chứng cho tính chất sinh lợi của các chi phí cho bảo vệ tài nguyên, môi trường và cho ứng phó với BĐKH. Đây là sứ mệnh, nhiệm vụ của cộng đồng nghiên cứu và đào tạo về kinh tế ở Việt Nam.

Về lượng giá kinh tế, đây là một nội dung quan trọng của Kinh tế học nói chung và Kinh tế học Môi trường, Kinh tế học BĐKH nói riêng, nhưng cũng lại là một điểm yếu trong hoạt động nghiên cứu kinh tế ở nước ta. Theo lý luận về nền kinh tế thị trường thì các quyết định trên thị trường cần dựa vào các thông tin thị trường, trong đó có thông tin về chi phí. Một khi thông tin về chi phí không có hoặc được cung cấp sai lệch, hay những mất mát, thiệt hại về tài nguyên, môi trường,

⁽⁵⁾ Thí dụ, Nguyễn Danh Sơn, Một số vấn đề về tài nguyên và môi trường trong PTBV và BĐKH ở Việt Nam, bài viết tham luận tại Hội thảo quốc tế Việt Nam học lần thứ tư “Việt Nam trên đường hội nhập và phát triển bền vững” do Viện KHXH VN (nay là Viện Hàn lâm KHXH VN và Đại học Quốc gia Hà Nội) tổ chức từ ngày 26 đến ngày 28 tháng 11 năm 2012 tại Hà Nội; và sau đó đăng trên Tạp chí Phát triển bền vững vùng, số 4/2012.

⁽⁶⁾ Nguồn: Nghị quyết của Bộ Chính trị số 41-NQ/TW ngày 15 tháng 11 năm 2004 về BVMT trong thời kỳ đẩy mạnh CNH, HĐH đất nước.

do tác động của BĐKH không được lượng giá, dự báo thì sẽ không cung cấp được các tín hiệu kinh tế cần cho các quyết định quản lý và hành động, tức là khi quyết định và hành động đã coi các chi phí này bằng không (= 0). Trong Báo cáo về Phát triển Việt Nam năm 2010 (VDR 2010) có tiêu đề “Quản lý tài nguyên thiên nhiên” do các chuyên gia của Ngân hàng Thế giới thực hiện và công bố tháng 12 năm 2010 cũng đưa ra cảnh báo rằng “nếu tăng trưởng kinh tế đạt “mức chi phí bằng 0” cho các tác động môi trường thì thị trường và những người ra quyết định sẽ nhận được những dấu hiệu sai, và do đó sẽ phá hỏng những ích lợi từ quá trình phát triển” và cho rằng một trong những việc cần làm để đạt được sự bền vững môi trường ở Việt Nam là “gán các giá trị cho môi trường”⁽⁷⁾. Lời cảnh báo và lời khuyên này, là hoàn toàn đúng cả về mặt lý thuyết và cả về thực tế đối với Việt Nam hiện nay.

Kết luận

Như vậy, Kinh tế học BĐKH là một hướng nghiên cứu kinh tế mới, được phát triển trên nền tảng của các khoa học kinh tế, với 2 bộ phận chính đang định hình là Kinh tế học về thích ứng và Kinh tế học về giảm nhẹ. Việt Nam đang và sẽ tiếp tục chịu tác động ảnh hưởng ngày càng rõ rệt và to lớn của BĐKH, trong đó có tác động ảnh hưởng tiêu cực tới nền kinh tế, cần được nắm bắt, nghiên cứu. Những cơ sở lý luận ban đầu của Kinh tế học BĐKH đã có và sẽ còn tiếp tục được bổ sung, hoàn chỉnh. Nếu nói theo ngôn ngữ kinh tế thị trường thì đã có “cung” và có “cầu” cho

nghiên cứu và triển khai (R&D) môn khoa học này (Kinh tế học BĐKH) ở Việt Nam.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Grantham Research Institute on Climate Change and the Environment, London School of Economics, A report of The Economics of Climate Adaptation Working Group, “Shaping Climate-Resilient Development – A framework for decision-making”, 2009.

2. Holger Rogall, Kinh tế học bền vững”, Nxb. Khoa học tự nhiên và công nghệ, H. 2011.

3. Một số chiến lược quốc gia (Chiến lược quốc gia về Tăng trưởng xanh, Chiến lược quốc gia về BĐKH, Chiến lược phát triển kinh tế xã hội giai đoạn 2011 – 2020, Chiến lược PTBV Việt Nam giai đoạn 2011 – 2020).

4. Ngân hàng Thế giới, Báo cáo Phát triển Việt Nam 2010, Quản lý tài nguyên thiên nhiên.

5. Nguyễn Danh Sơn, Một số vấn đề về tài nguyên và môi trường trong PTBV và BĐKH ở Việt Nam, bài viết tham luận tại Hội thảo quốc tế Việt Nam học lần thứ tư “Việt Nam trên đường hội nhập và phát triển bền vững” do Viện KHXH VN (nay là Viện Hàn lâm KHXH VN) và Đại học Quốc gia Hà Nội tổ chức từ ngày 26 đến ngày 28 tháng 11 năm 2012 tại Hà Nội.

Quyết định số 158/2008/QĐ-TTg ngày 02/12/2008 của Thủ tướng Chính phủ Phê duyệt Chương trình mục tiêu quốc gia ứng phó với BĐKH.

(7) Nguồn: Ngân hàng Thế giới, Báo cáo Phát triển Việt Nam 2010, Quản lý tài nguyên thiên nhiên, Chương 1.